



**Phụ lục 01**

(theo Biểu mẫu số 18, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

**BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

(Kèm theo Tờ trình số 722/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Dự toán điều chỉnh năm 2021	So sánh
A	B	I	2	3=2-I
<b>A</b>	<b>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>6.348.556</b>	<b>6.023.800</b>	<b>-324.756</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>14.231.154</b>	<b>12.960.346</b>	<b>-1.270.808</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG /BỘI THU NSDP</b>	<b>122.400</b>	<b>44.316</b>	<b>-78.084</b>
1	Bội chi	122.400	44.316	-78.084
2	Bội thu			
<b>D</b>	<b>HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>1.269.711</b>	<b>1.204.760</b>	<b>-64.951</b>
<b>E</b>	<b>KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC</b>			
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>	<b>277.430</b>	<b>212.622</b>	<b>-64.808</b>
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	23,86%	17,65%	-6,21%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	16.799	90.830	74.031
3	Vay trong nước khác	260.631	121.792	-138.839
<b>II</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>	<b>138.839</b>	<b>88.100</b>	<b>-50.739</b>
<b>1</b>	<b>Theo nguồn vốn vay</b>	<b>138.839</b>	<b>88.100</b>	<b>-50.739</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		8.100	8.100
-	Vốn khác	138.839	80.000	-58.839
<b>2</b>	<b>Theo nguồn trả nợ</b>	<b>138.839</b>	<b>88.100</b>	<b>-50.739</b>
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu ngân sách địa phương			0
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
-	Ngân sách địa phương	138.839	88.100	-50.739
<b>III</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>	<b>74.031</b>	<b>44.316</b>	<b>-29.715</b>
<b>1</b>	<b>Theo mục đích vay</b>	<b>74.031</b>	<b>44.316</b>	<b>-29.715</b>
-	Vay để bù đắp bội chi	74.031	44.316	-29.715
-	Vay để trả nợ gốc			
<b>2</b>	<b>Theo nguồn vay</b>	<b>74.031</b>	<b>44.316</b>	<b>-29.715</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	74.031	44.316	-29.715
-	Vay trong nước khác			
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>212.622</b>	<b>168.838</b>	<b>-43.784</b>
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	16,75%	14,01%	-2,73%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	90.830	127.046	36.216
3	Vốn khác	121.792	41.792	-80.000
<b>G</b>	<b>TRẢ NỢ LÃI, PHÍ</b>	<b>6.849</b>	<b>15.400</b>	<b>8.551</b>